

Ngày 30/09/2025	68,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	7.7%	-10.2%

	Q3/25	
ROE	18.2%	+/- YoY ▲ 9.1%

	Q3/25		
DT thuần	239	QoQ	YoY
		▲ 107	▲ 18.0
		▲ 81.3%	▲ 8.3%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	597	YoY
		▲ 140
		▲ 30.8%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	89.5	QoQ	YoY
		▲ 48.2	▲ 20.1
		▲ 117%	▲ 29.0%
	tỷ VNĐ		

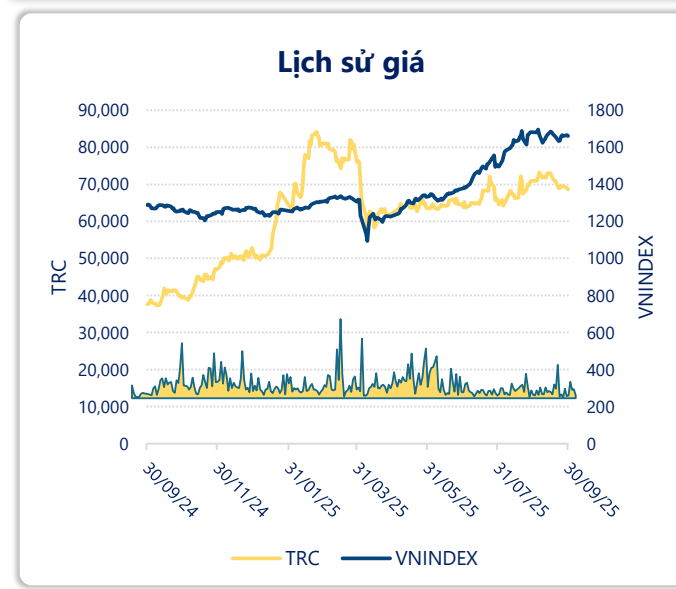
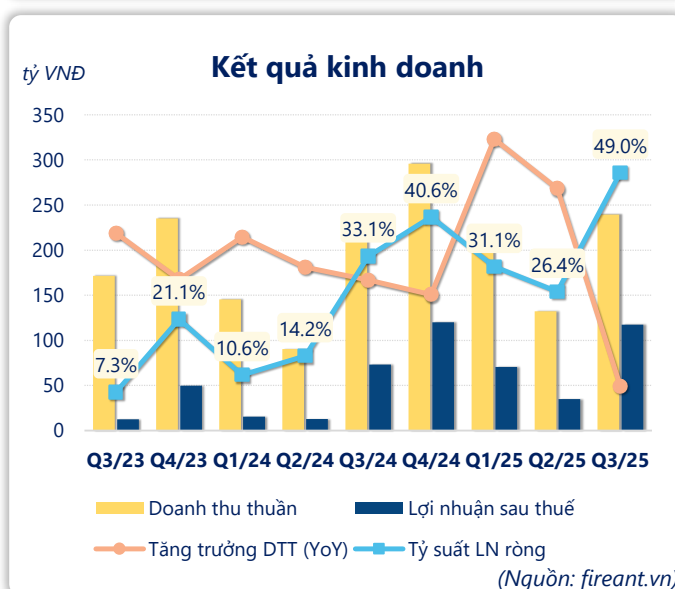
	9T 2025	
LN gộp	219	YoY
		▲ 97.0
		▲ 78.9%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	85.8	QoQ	YoY
		▲ 49.3	▲ 32.5
		▲ 135%	▲ 61.0%
	tỷ VNĐ		

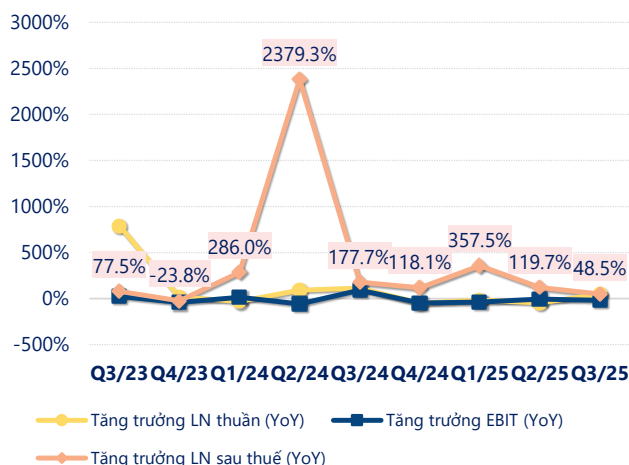
	9T 2025	
LN thuần	198	YoY
		▲ 116
		▲ 141%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	117	QoQ	YoY
		▲ 82.1	▲ 43.9
		▲ 236%	▲ 60.5%
	tỷ VNĐ		

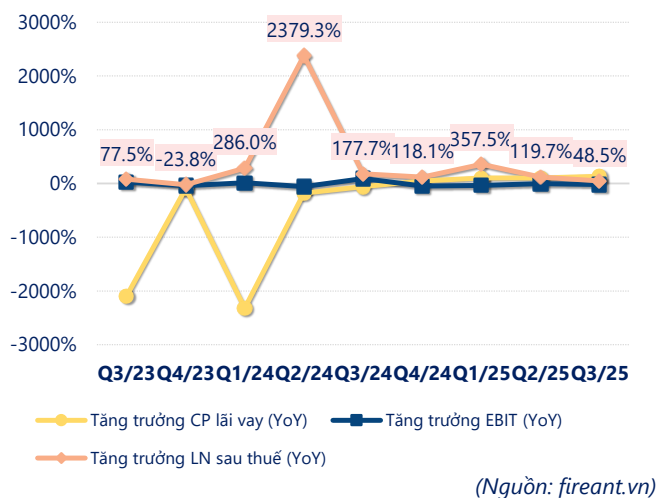
	9T 2025	
LN sau thuế	223	YoY
		▲ 122
		▲ 120%
	tỷ VNĐ	



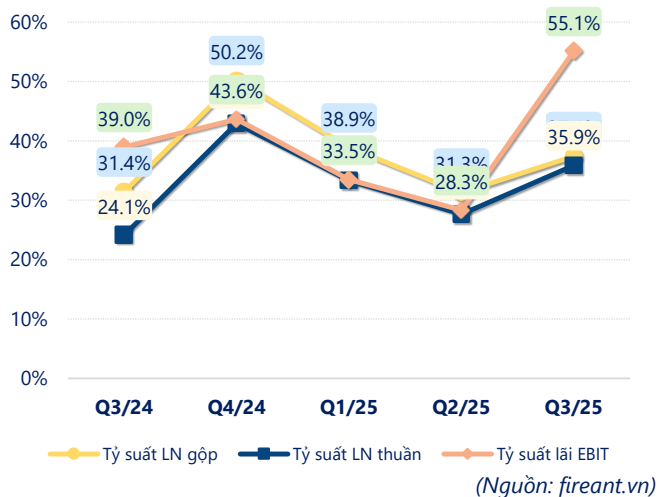
Tăng trưởng lợi nhuận



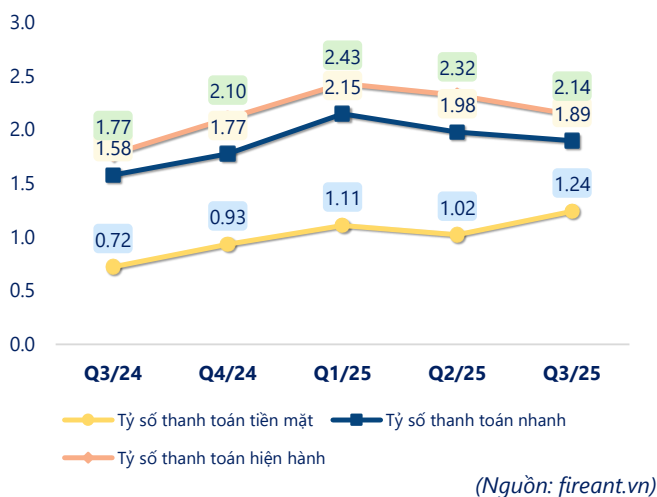
Tăng trưởng chi phí



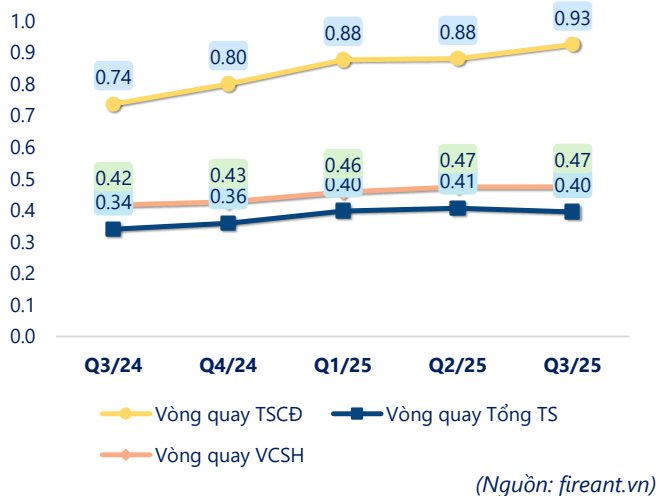
Tỷ suất lợi nhuận



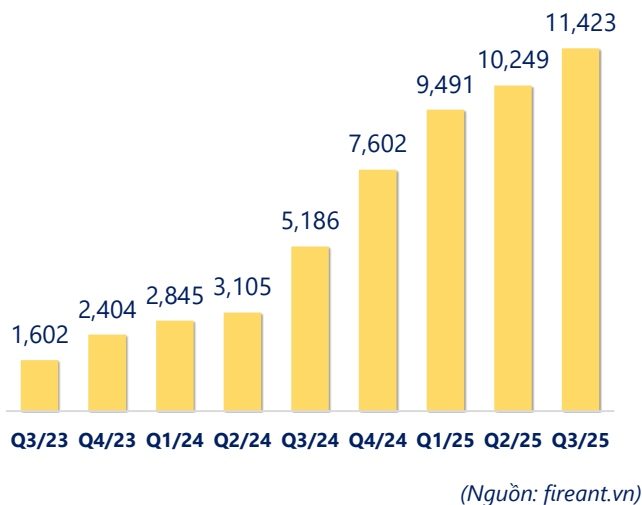
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	239	221	8.3%	597	457	30.8%
Giá vốn hàng bán	150	151	-0.9%	379	334	13.2%
Lợi nhuận gộp	89.5	69.4	29.0%	219	122	78.9%
Doanh thu HĐTC	9.92	3.89	155%	22.0	17.2	27.7%
Chi phí TC	0.02	2.40	-99.1%	0.44	9.16	-95.2%
Chi phí lãi vay	0.00	2.28	-99.9%	0.34	8.98	-96.2%
LN trong công ty LKLD	1.36	-3.98	134%	1.43	-10.3	114%
Chi phí bán hàng	2.22	2.67	-16.7%	5.06	6.65	-23.9%
Chi phí QLDN	12.8	11.0	16.0%	39.0	31.3	24.6%
LN thuần từ HĐKD	85.8	53.3	61.0%	198	82.0	141%
Lợi nhuận khác	46.0	30.4	51.4%	46.9	32.3	45.1%
LN trước thuế	132	83.7	57.5%	245	114	114%
Lợi nhuận sau thuế	117	73.1	60.5%	223	101	120%
LNST của CĐ cty mẹ	117	73.1	60.5%	223	101	120%

(Nguồn: fireant.vn)

